

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 34 /2024/DS -ST

Ngày: 06 – 3 - 2024

V/v tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản ”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Long
2. Ông Nguyễn Đức Duy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 445/2023/TLST-DS, ngày 08/11/2023, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐST-DS ngày 26/01/2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Nguyễn Trường K, sinh năm : 1985

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Quốc C, sinh năm:1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Võ Thanh V, Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (vắng mặt)

+ Bị đơn: 1/ Nguyễn Thái Phú C1, sinh năm: 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2/ Thái Thị Thủy T, sinh năm: 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản Tòa án hòa giải nguyên đơn Nguyễn Trường K ủy quyền cho anh Nguyễn Quốc C trình bày như sau :

Chị T và anh C là vợ chồng, vợ chồng chị T, anh C với anh K là bạn bè quen biết nhau qua công việc. Chị T có làm tiếp thị cho Công ty sữa. Vào tháng 4/2023 chị T cần tiền để chạy doanh số đạt chỉ tiêu trong quá trình tiếp thị cho Công ty nên chị T có hỏi mượn tiền của anh K nhiều lần như sau:

- Lần 1: Ngày 18/4/2023 anh K chuyển khoản cho chị T mượn 7.200.000đồng, thông qua Ngân hàng V1

-Lần 2: Ngày 19/4/2023 anh K chuyển khoản cho chị T mượn 30.000.000đồng, thông qua Ngân hàng V1

-Lần 3: Ngày 19/4/2023 anh K chuyển khoản cho chị T mượn 104.000.000đồng, thông qua Ngân hàng V1

-Lần 4: Ngày 19/4/2023 anh K chuyển khoản cho chị T mượn 100.000.000đồng, thông qua Ngân hàng V1

-Lần 5: Ngày 20/4/2023 anh K chuyển khoản cho chị T mượn 1.000.000đồng, thông qua Ngân hàng V1

Tổng cộng số tiền anh K cho chị T mượn là 242.000.000đồng.

Tại đơn khởi kiện anh Nguyễn Quốc C đại diện uỷ quyền cho nguyên đơn yêu cầu vợ chồng anh C, chị T trả số tiền 252.890.000đồng (tiền vốn là 242.000.000đồng và tiền lãi 10.890.000đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Thái Phú C1 có bản khai trình bày: Anh và chị T là vợ chồng, tuy nhiên trong thời gian chị T vay tiền anh K là chị T tự vay và sử dụng vào công việc của chị T làm, anh C1 hoàn toàn không biết và không vay số tiền nào của anh K nên anh không có nghĩa vụ trả tiền cho anh K, số tiền này do chị T vay thì chị T tự trả, nay anh K rút yêu cầu khởi kiện đối với anh, anh đồng ý và không có ý kiến gì khác.

Bị đơn chị Thái Thị Thủy T trình bày tại bản tự khai: Chị và anh C1 là vợ chồng, chị có làm công việc tiếp thị và có nhận tiền chuyển khoản, tuy nhiên chị không trình bày là nhận bao nhiêu và cũng không nêu cách thức trả tiền như thế nào đối với yêu cầu khởi kiện của anh K. Nay chị đang bị bệnh và đang điều trị bệnh, hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn.

Tại phiên toà, anh Nguyễn Quốc C đại diện uỷ quyền cho nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Thái Phú C1 vì anh C1 không có tham gia vào việc vay tiền của anh Nguyễn Trường K và yêu cầu chị Thái Thị Thủy T phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Trường K số tiền là 242.000.000đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Các bị đơn xin vắng mặt tại phiên toà.

Luật sư tham gia bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có bài phát biểu cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vì việc vay tiền của chị T được thể hiện tại bản sao kê của Ngân hàng mỗi lần anh K chuyển cho chị T mượn và số tiền này phù hợp với số tiền khởi kiện, Chị T được triệu tập hợp lệ để đến Toà án giải quyết nhưng không đến và cũng không có ý kiến phản bác đối với số tiền này. Việc rút yêu cầu liên đới trả nợ đối với Nguyễn Thái Phú C1 là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, H đồng xét xử nhận định:

Xét về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện nguyên đơn Nguyễn T yêu cầu anh Nguyễn Thái Phú C1 địa chỉ ấp T, xã N, huyện C, tỉnh tiền G và chị Thái Thị Thủy T địa chỉ ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh tiền G yêu cầu trả số tiền vay. Đây là vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là quan hệ dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang được quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Thái Phú C1 là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Thái Phú C1.

Bị đơn anh Nguyễn Thái Phú C1 và chị Thái Thị Thủy T có đơn xin vắng mặt khi xét xử, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C1, chị T.

Xét về yêu cầu khởi kiện: Tại bản sao kê ngày 17/5/2023 của Ngân hàng V1, có nội dung anh Nguyễn Trường K chuyển tiền cho chị Thái Thị Thủy T 05 lần từ ngày 18/4/2023 đến ngày 20/4/2023, tổng cộng là 242.000.000đồng có xác nhận các lần chuyển tiền của Giám đốc Ngân hàng, do đó chứng cứ này là có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật. Chị T là người được nhận số tiền này, khi được Toà án công khai tài liệu, chứng cứ chị T có

bản khai nhưng không trình bày gì về số tiền vay và cũng không đưa ra cách trả nợ theo yêu cầu nguyên đơn, tuy nhiên chị T cũng không phản bác gì về số tiền nguyên đơn yêu cầu trả, nên xem như chị T thừa nhận có nợ anh K số tiền này. Nay anh Nguyễn Quốc C đại diện uỷ quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Trường K yêu cầu chị T trả số tiền 242.000.000đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, cần buộc chị T có nghĩa vụ trả cho anh K số tiền này khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Quốc C không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền 242.000.000đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trường K nên bị đơn chị Thái Thị Thủy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là $242.000.000\text{đồng} \times 5\% = 12.100.000\text{đồng}$.

Xét trình bày bảo vệ của luật sư là có cơ sở phù hợp nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ các điều 463, 466, Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trường K.

1. Buộc chị Thái Thị Thủy T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Trường K số tiền 242.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu đồng), thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh K yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thi hành khoản tiền trên thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Thái Phú C1 về việc yêu cầu anh Nguyễn Thái Phú C1 cùng liên đới trả số tiền 242.000.000đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Thái Thị Thủy T phải chịu là 12.100.000đồng. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Trường K số tiền 6.323.000đồng tiền tạm ứng án phí theo

biên lai thu số 0006719 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành – Tiền Giang.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc Toà án niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành,
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự,
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thúy